HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72/2026/NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 690/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-BDT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2026/QH15, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân kế hoạch vốn năm trước liền kề.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã khu vực I, II, III

vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, xã tương ứng của xã, cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo: Hệ số 50.

c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40.

d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.

đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

a) Xác định tổng điểm của một xã

Tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của xã *i* được xác định như sau:

$$X_i = (1 \text{ x } TDK_i) + K$$

Trong đó:

$X_{i:}$ Tổng điểm phân bổ của xã *i*;

TDK_i: Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN của xã *i* quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

K: Hệ số phân bổ tương ứng với từng đối tượng xã quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

b) Xác định tổng điểm phân bổ của cả tỉnh

$$X_{GL} = \sum_{i=1}^{n} Xi$$

Trong đó:

X_{GL}: Tổng điểm phân bổ của các xã trên địa bàn tỉnh;

n: Tổng số xã trên địa bàn tỉnh.

c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ

$$G = \frac{V_{TW}}{X_{GL}}$$

Trong đó:

G: Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm);

V_{TW}: Tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh;

X_{GL}: Tổng điểm phân bổ của các xã trên địa bàn tỉnh.

d) Xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho một xã

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã *i* được xác định như sau:

$$V_i = X_i \times G$$

Trong đó:

V_i: Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã *i*;

X_i: Tổng điểm phân bổ của xã *i*;

G: Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm).

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng xã của địa phương được xác định theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào DTTS&MN, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030).

c) Số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Phụ lục I và II ban hành kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

d) Số lượng xã đảo do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, công nhận tại Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc công bố xã Nhơn Châu thuộc tỉnh Gia Lai là đơn vị hành chính cấp xã ở hải đảo.

Điều 5. Mức bố trí vốn đối ứng, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

1. Mức bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

a) Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương cho tỉnh Gia Lai, căn cứ tổng điểm của tỉnh được xác định theo các tiêu chí về: Điểm theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương; Điểm theo quy mô số xã; Điểm theo tỷ lệ nghèo đa chiều; Điểm theo quy mô dân số dân tộc thiểu số được quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật khác có liên quan, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí địa phương tối thiểu bằng 1,25 lần tổng vốn hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương.

b) Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng để thực hiện Chương trình.

c) Đối với vốn đầu tư công, các xã, phường có trách nhiệm bố trí ngân sách xã, phường giai đoạn 5 năm, cân đối ngân sách địa phương hằng năm để thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương

Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác

phân bổ cho các sở, ngành và các xã, phường trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình trong đó bao gồm các đối tượng không được sử dụng vốn ngân sách trung ương theo khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực; rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Hỗ trợ xã thuộc kế hoạch và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030.

c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung ở cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ ở các cấp; tổ chức hoặc tham gia Hội nghị, hội thảo trong tỉnh và ngoài tỉnh thuộc Chương trình. Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Phát triển du lịch nông thôn. Tổ chức thực hiện các Phong trào thi đua "Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN" trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gồm Trường Cao đẳng Y tế Gia Lai, Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Gia Lai). Thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; Các hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3. Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương

3.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã, phường

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường được xác

định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và số xã, phường khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo, số xã, phường thuộc kế hoạch và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các xã còn lại trên địa bàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng xã, phường được xác định bằng hệ số phân bổ quy định cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới, xã đảo; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Hệ số 50.

c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN; xã, phường thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030: Hệ số 40.

d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.

đ) Phường còn lại (*bố trí kinh phí thường xuyên ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình*): Hệ số 30.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ được áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong số các đối tượng đó, không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã, phường.

3.2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương cho các xã, phường: Thực hiện tương tự theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

3.3. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị không vượt quá 10% tổng vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện Chương trình.

Điều 6. Tỷ lệ đối ứng vốn đầu tư công ngân sách địa phương

1. Đối với các công trình, dự án do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thực hiện: Ngân sách tỉnh bảo đảm 100% vốn đối ứng.

2. Đối với các công trình, dự án do cấp xã tổ chức thực hiện: Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã, phường được áp dụng tương ứng với tỷ lệ mức hỗ trợ ngân sách tỉnh cho các dự án trên địa bàn các xã, phường được quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi

nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.

3. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025;

b) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Rah Lan Chung